

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh .	- Trẻ từ 6 đến 8 tuổi. - Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú (đối với trẻ có hộ khẩu khác tỉnh, khác huyện/thị) tại xã Bình Khê - Có đủ hồ sơ dự tuyển.	- Học sinh học hết lớp 1 được lên lớp 2. - Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại xã Bình Khê - Có đủ hồ sơ hợp lệ.	- Học sinh học hết lớp 2 được lên lớp 3. - Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại xã Bình Khê - Có đủ hồ sơ hợp lệ.	- Học sinh học hết lớp 3 được lên lớp 4. - Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại xã Bình Khê - Có đủ hồ sơ hợp lệ.	- Học sinh học hết lớp 4 được lên lớp 5. - Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại xã Bình Khê - Có đủ hồ sơ hợp lệ.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDDĐT ngày 26/12/2018 dưới sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh, Phòng GD & ĐT Đông Triều.			Thực hiện CTGDPT theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDDĐT ngày 05/5/2006 dưới sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Quảng Ninh, Phòng GD & ĐT Đông Triều.	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều: Thông qua trao đổi trực tiếp, sổ liên lạc, tin nhắn điện tử hoặc điện thoại giữa nhà trường, GVCN với CMHS. - Liên hệ định kỳ: Họp 3 lần/ năm. - Học sinh tích cực, chuyên cần chủ động trong học tập. - Học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ HS theo Điều lệ trường Tiểu học.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	- Các hoạt động ngoài giờ lên lớp. - Sinh hoạt Đội. - Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, ... - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, sức khỏe cho học sinh. - Học sinh bán trú được chăm sóc tốt, bữa ăn đảm bảo đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ.				

		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		1. Phẩm chất: Các phẩm chất: Yêu nước, Nhân ái; Chăm chỉ; Trung thực; Trách nhiệm: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	1. Phẩm chất: Các phẩm chất: Yêu nước, Nhân ái; Chăm chỉ; Trung thực; Trách nhiệm: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	1. Phẩm chất: Các phẩm chất: Yêu nước, Nhân ái; Chăm chỉ; Trung thực; Trách nhiệm: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	1. Phẩm chất: Các phẩm chất: Chăm học, chăm làm; Tự tin, trách nhiệm; Trung thực, kỉ luật; Đoàn kết, yêu thương: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	1. Phẩm chất: Các phẩm chất: Chăm học, chăm làm; Tự tin, trách nhiệm; Trung thực, kỉ luật; Đoàn kết, yêu thương: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung Các năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; GQVĐ và sáng tạo: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung Các năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; GQVĐ và sáng tạo: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung Các năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; GQVĐ và sáng tạo: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	2. Năng lực: Các năng lực: Tự phục vụ; Hợp tác; Tự học, giải quyết vấn đề: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	2. Năng lực: Các năng lực: Tự phục vụ; Hợp tác; Tự học, giải quyết vấn đề: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.
		2.2. Năng lực đặc thù Các năng lực: Ngôn ngữ; tính toán; khoa học; công nghệ; tin học; thẩm mỹ; thể chất: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	2.2. Năng lực đặc thù Các năng lực: Ngôn ngữ; tính toán; khoa học; công nghệ; tin học; thẩm mỹ; thể chất: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	2.2. Năng lực đặc thù Các năng lực: Ngôn ngữ; tính toán; khoa học; công nghệ; tin học; thẩm mỹ; thể chất: 100% Tốt và Đạt; không có HS xếp loại CCG.	3. Kết quả học tập - HT: 100% - Chưa HT: 0	3. Kết quả học tập - HT: 100% - Chưa HT: 0
		3. Kết quả học tập - HT xuất sắc: 40% - HT tốt: 30% - HT: 30% - Chưa HT: 0	3. Kết quả học tập - HT xuất sắc: 39% - HT tốt: 29% - HT: 32% - Chưa HT: 0	3. Kết quả học tập - HT xuất sắc: 39% - HT tốt: 29% - HT: 32% - Chưa HT: 0	4. Kết quả cuối năm - Khen thưởng: + HS Xuất sắc: 29% + HS vượt trội: 29% - Sức khỏe: Loại A: 30%; loại B: 70%	4. Kết quả cuối năm - Khen thưởng: + HS Xuất sắc: 35% + HS vượt trội: 35% - Sức khỏe: Loại A: 30%; loại B: 70%
		4. Kết quả cuối năm - Khen thưởng: + HS Xuất sắc: 40%	4. Kết quả cuối năm - Khen thưởng: + HS Xuất sắc: 39%	4. Kết quả cuối năm - Khen thưởng: + HS Xuất sắc: 39%		

		+ HS tiêu biểu: 30% - Sức khỏe: Loại A: 30%; loại B: 70%	+ HS tiêu biểu: 29% - Sức khỏe: Loại A: 30%; loại B: 70%	+ HS tiêu biểu: 29% - Sức khỏe: Loại A: 30%; loại B: 70%		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	- 100% HTCT lớp 1 được lên lớp 2	- 100% HTCT lớp 2 được lên lớp 3.	- 100% HTCT lớp 3 được lên lớp 4	- 100 % HTCT lớp 4 được lên lớp 5	- 100% Hoàn thành chương trình TH, được lên lớp 6.

Bình Khê, ngày 20 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hương